

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP HIỆN TƯỢNG LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

APPLYING PHENOMENOLOGICAL METHOD TO EDUCATIONAL RESEARCH

Nguyễn Thị Mỹ Lệ
Viện Nghiên Cứu PTGDCN

TÓM TẮT

Hiện tượng luận đã được bàn luận từ lâu trong triết học và có một vị thế nhất định trong chuyên ngành này. Tuy nhiên, bài viết này không nhằm mục đích trình bày hiện tượng luận dưới con mắt của một triết gia, là việc đã được nghiên cứu và diễn giải nơi nhiều tác phẩm, mà chỉ đề cập đến việc ứng dụng hiện tượng luận vào trong lãnh vực nghiên cứu giáo dục, trong đó nêu bật những lợi ích của phương pháp này. Kết cấu của bài gồm ba tiêu mục: phần thứ nhất trình bày sơ lược nguồn gốc và khái niệm của hiện tượng luận; phần hai mô tả việc ứng dụng phương pháp hiện tượng luận trong nghiên cứu giáo dục; và phần ba là kết luận của bài viết với một số gợi ý về những định hướng cho việc ứng dụng phương pháp hiện tượng luận trong nghiên cứu giáo dục.

ABSTRACT

Phenomenology has been discussed in philosophy with so much interest for a long time. This article, however, does not concern with presenting phenomenology as philosophers' viewpoints found in philosophy books, but talks about using phenomenological method in educational researches. The writing also tries to highlight several advantages of the method. It consists of three parts: the first shows the origin and concept of phenomenology; the second describes how to take up phenomenology in education; and the last puts forth some proposals for using phenomenology in educational researches.

I-NGUỒN GỐC VÀ KHÁI NIỆM

Người sáng lập trường phái triết học hiện tượng luận là Edmund Gustav Albrecht Husserl, một triết gia và nhà toán học người Đức. Trong cuốn *Logical Investigations* (Nghiên cứu về lý luận) (1901), ông đã phát triển kỹ thuật mô tả hiện tượng, với mục đích chứng minh rằng cách đánh giá khách quan thật sự là dựa trên kinh nghiệm nhận thức hay dựa vào các bản chất quan trọng đối với bất kỳ kinh nghiệm cùng loại đang được xét đến. Trong cách diễn giải của tiến sĩ Triết học Trần Thái Đình [1] phương pháp hiện tượng luận nhằm "mô tả những hiện tượng 'đã sống' và 'thuần túy'...và cảm ta không được 'nghĩ ra' cái ta phải tả, vì như thế là duy tâm và viển vông. Ta không được nghĩ ra, nhưng phải 'trở về chính những sự vật' mà ta đã thực sự thấy, cảm và sống".

Hiện tượng luận chủ trương một lối trực giác tiên nghiệm tìm ra cái toàn thể của sự vật (qua sự tương quan, qua qui luật tương quan, và qua cách thể sự vật xuất hiện cho chúng ta). Hiểu như vậy, hiện tượng luận tự nó đã mang bản chất thông diễn, mang tính chất nghiêm túc và khoa học. Theo quan điểm của tiến sĩ Mina Ramirez [2], "hiện tượng luận là một cách tiếp cận trong nghiên cứu. Với cách tiếp cận này, các chủ thể nghiên cứu sẽ nhận biết chính họ qua việc tự vấn, và phản tỉnh về kinh nghiệm sống thực tế của họ, là những kinh nghiệm đã được tích lũy trong các bối cảnh môi trường văn hoá xã hội một cách có nhận thức. Cách tiếp cận này, trong những điều nghiên thông thường, cũng là một phương cách sư phạm tạo ra được sự bình đẳng giữa người nghiên cứu và nhóm người cùng tham gia nghiên cứu; giữa giáo viên và sinh viên; giữa người nghiên cứu và cộng đồng có những người cùng tham

gia cuộc nghiên cứu đó, để đạt được sự hiểu biết, hoặc cố gắng đạt tới sự hiểu biết ý nghĩa của một hiện tượng".

Hiện tượng luận được đặt cơ sở trên những tiền giả định của triết lý hiện sinh. Trong hiện tượng luận, con người được nhìn như là chủ thể khách thể. Hiện tượng luận không sử dụng bất cứ dụng cụ thí nghiệm nào của khoa học tự nhiên trong việc thu thập các dữ liệu thông tin, nhưng dùng đến những kinh nghiệm sống và sự nhận thức của con người về hiện trạng thực tế. Hiện tượng luận nhìn nhận mỗi kinh nghiệm sống của con người là một lăng kính phản ánh tất cả các khía cạnh thực tế. Tính hiện thực trong hiện tượng luận mang sắc thái đa tầng, đa góc cạnh, và xã hội tính có thể được phân tích trong một kinh nghiệm. Vì vậy, trong hiện tượng luận, người nghiên cứu không tìm kiếm số đông thông tin dữ liệu, mà có thể chỉ sử dụng *một số người đồng tham gia nghiên cứu* để tìm ra, không phải là những dữ kiện, thông tin về hiện tượng, mà là *sự thấu hiểu tận căn* sự vật hay hiện tượng (trong nghiên cứu hiện tượng luận, những người cung cấp thông tin được gọi là "*những người đồng tham gia nghiên cứu* (co-researchers). *Sự thấu hiểu* đó không gọi là "kết luận" của bài nghiên cứu, nhưng được gọi là "*sự thấu nhìn chính xác*" với tên gọi là "*cốt lõi của chân lý hay sự thật*", và không được kiểm chứng theo cách thức thống kê dữ liệu, nhưng được chuẩn nhận trong tính khách quan nhìn vào thực chất của hiện tượng [3].

II- ỨNG DỤNG HIỆN TƯỢNG LUẬN VÀO NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

Ngoài tất cả những bước đòi hỏi cần thực hiện một cách trình tự đối với một nghiên cứu, khi sử dụng hiện tượng luận trong nghiên cứu giáo dục cần quan tâm đến những điểm sau:

1. Những Đòi Hỏi Cơ Bản Khi Nghiên Cứu Theo Hiện Tượng Luận.

Những yêu cầu căn bản khi ứng dụng hiện tượng luận vào các công trình nghiên cứu là:

- *Người nghiên cứu phải là người có cùng kinh nghiệm của những người đồng nghiên cứu* để có khả năng suy tư và thâm thấu kinh nghiệm của những người đồng tham gia nghiên cứu còn được gọi là sự thật của hiện tượng nghiên cứu.

- *Người hướng dẫn đề tài nghiên cứu phải là người có kinh nghiệm sống phong phú để hiểu biết và có thể hướng dẫn người thực hiện cuộc nghiên cứu đi đúng hướng, tìm về nguồn cội hiểu biết sâu xa, tìm ra được « sự hiểu biết đích thực » của hiện tượng, đúng như yêu cầu của phương pháp đặt ra.*

- *Thời gian tĩnh lặng suy tư và thái độ kiên nhẫn.* Tiến trình xử lý thông tin đòi hỏi người nghiên cứu phải có những giờ phút tĩnh lặng để suy nghĩ tường tận và sâu xa về tất cả những thông tin (các câu chuyện của những người đồng tham gia nghiên cứu và của chính bản thân), để từng bước làm sáng tỏ hơn những chủ đề hay những ý nghĩa của các thông tin đó, cho tới khi đạt tới sự thấu hiểu sâu sắc và trong sáng nhất. Công việc này đòi hỏi người nghiên cứu phải có thái độ kiên nhẫn và biết lắng nghe những âm vọng sâu xa từ tâm thức hay nội tâm của chính mình.

2. Các Bước Thu Thập Dữ Liệu

Khi ứng dụng hiện tượng luận trong nghiên cứu, việc thu thập thông tin bao gồm các bước sau:

- a. Đặt ra những câu hỏi đặc trưng của cuộc nghiên cứu. Thông thường những câu hỏi trong phần này sẽ là:
 - Kinh nghiệm của những người cung cấp thông tin cho cuộc nghiên cứu được diễn tả thế nào?
 - Những kinh nghiệm đó có ý nghĩa gì?
 - Những ý nghĩa của các kinh nghiệm đưa đến sự thấu hiểu về hiện tượng đó thế nào?
- b. Lập bảng câu hỏi hướng dẫn để cuộc trao đổi thông tin không đi sai chủ đề nghiên cứu.

- c. Thông tin được thiết lập bằng những câu chuyện tự thuật của những người được mời cùng tham gia nghiên cứu. Người đồng tham gia nghiên cứu sẽ chia sẻ những kinh nghiệm sống của họ dưới dạng chuyện kể, chứ không trả lời những câu hỏi nghiên cứu như một cuộc phỏng vấn.
- d. Tổ chức buổi chia sẻ, thảo luận giữa nhóm người cung cấp thông tin cho cuộc nghiên cứu.
- e. Quan sát cách tích cực môi trường thực tế, là nơi xảy ra ra những kinh nghiệm sống được đề cập đến của cuộc nghiên cứu.

3. Cách Xử Lý Các Thông Tin

Việc xử lý thông tin được tiến hành theo các bước sau :

- a. Viết lại chia sẻ của những người đồng nghiên cứu dưới dạng những chuyện tự thuật.
- b. Gửi những bài viết này cho chính những người đã cung cấp thông tin để kiểm chứng sự chính xác của những nội dung đã được viết ra.
- c. Từ những câu chuyện kể của những người đồng nghiên cứu, người thực hiện cuộc nghiên cứu sẽ viết về câu chuyện của chính mình, về những kinh nghiệm trong cùng bối cảnh sống và vai trò trách nhiệm.
- d. Suy tư (phản tỉnh) lần I. Bước này thường được cho là bước khó nhất trong phần xử lý thông tin. Trong phần này, nghiên cứu viên sẽ tìm ra những chủ đề trong đó mô tả những điểm chính yếu của nội dung các bài tự thuật, hay lột tả những nét chính yếu của kinh nghiệm sống của những người đồng nghiên cứu và của bản thân- dựa trên những thông tin đã thu thập được (các bài tự thuật, các sự kiện, môi trường đã được quan sát). Các chủ đề có thể được tìm ra từ việc tổng hợp những điểm tiêu cực, những điểm tích cực, và những đặc điểm nổi bật hoặc ý

nghĩa nhất trong các kinh nghiệm sống đã được đề cập.

- e. Suy tư (phản tỉnh) lần II. Từ những chủ đề tìm ra và suy tư của lần phản tỉnh thứ nhất, nghiên cứu viên tiếp tục suy nghĩ và chiêm nghiệm sâu xa hơn để tìm ra những chủ đề có ý nghĩa và giá trị sâu sắc hơn nữa của hiện tượng hay chủ đề nghiên cứu.
- f. Suy tư (phản tỉnh) lần III. Với những gì tìm biết được ở phản tỉnh lần II, người nghiên cứu sẽ đi vào chiều sâu của suy tư để tìm ra ý nghĩa quan trọng nhất, tìm được sự thấu hiểu sâu xa của vấn đề hay hiện tượng mình đang nghiên cứu.

4. Những Hạn Chế Trong Nghiên Cứu Giáo Dục Khi Sử Dụng Hiện Tượng Luận

- a. Có tính chủ quan.
Mặc dù hiện tượng luận là phương pháp tìm về nguồn cội sự thật của sự vật, vẫn có những người cho rằng kết quả của những nghiên cứu này mang tính chủ quan, vì dù đã qua những lần phản tỉnh ngày càng đi sâu vào « *sự hiểu biết hiện tượng cách chính xác và trung thực nhất* », thì những phản tỉnh đó cũng là kết quả từ suy tư và chiêm nghiệm của *một người*, nó khác hẳn những phương pháp nghiên cứu khác với kết quả được rút ra từ việc thống kê các dữ liệu do nhiều người cung cấp.
- b. Khó lấy thông tin.
Cho dù hiện tượng luận không đòi hỏi phải có số đông người cung cấp thông tin như các phương pháp định lượng, nhưng việc tìm ra những người dám cung cấp thông tin, những người dám chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn, những điều tích cực và nhất là những điều tiêu cực trong kinh nghiệm sống của họ, là điều không dễ dàng (không có *vấn đề* thì không có nghiên cứu). Đối với những người *có chức vụ cao và trách nhiệm lớn*, thì những khó khăn hoặc những điều tiêu cực trong kinh nghiệm sống của họ lại càng là

những vấn đề *tế nhị* và khó được bộc lộ hơn. Tâm lý « tốt khoe, xấu che » của người Việt (và có thể của đa phần nhân loại) cho đến nay vẫn không phải là chuyện "thuộc về dĩ vãng và đã chấm hết". Do đó, khi không có những chia sẻ *thật* hay những chuyện tự kể *thật* theo yêu cầu của tiến trình lấy thông tin trong hiện tượng luận, thì sẽ không có cuộc nghiên cứu đích thực và thành công đúng nghĩa.

5. Những Lợi Ích Của Việc Ứng Dụng Hiện Tượng Luận Trong Nghiên Cứu Giáo Dục.

Hiện tượng luận có thể trực giác được những tiêu chuẩn tuyệt đối của cuộc sống và nghiên cứu cấu trúc cứu cánh nguồn gốc của sự sống [4]. Vì vậy, một điều không thể nghi ngờ là, hiện tượng luận đem đến rất nhiều ích lợi cho ngành giáo dục khi các nghiên cứu được tiến hành với phương pháp này. Cách cụ thể, ngoài việc tiết kiệm được thời gian và tiền bạc (vì số người cung cấp thông tin không nhiều, nên chi phí cho công việc này do đó cũng ít tốn kém), hiện tượng luận đem lại những ích lợi sau:

a. Với ngành giáo dục quốc gia.

Để theo kịp những tiến bộ toàn cầu trong ngành giáo dục, những nhà lãnh đạo giáo dục cần quan tâm đến bốn trụ cột của giáo dục theo như tiêu chí của uỷ ban giáo dục quốc tế đã đặt ra cho nền giáo dục trong thế kỷ 21. Bốn trụ cột đó là [5]:

- *Học để biết*: việc học cần gạt hái được sự hiểu biết và vốn kiến thức tất yếu làm nền cho công tác chuyên môn của mình.
- *Học để có thể làm việc*: học để có khả năng làm việc một cách sáng tạo trong lãnh vực chuyên ngành của mình.
- *Học cách sống với nhau*: học để biết cách và rèn luyện khả năng làm việc chung cũng như cộng tác với người khác trong các hoạt động đời sống con người.
- *Học cách tồn tại* : học để có thể phát triển nhân cách ngày một tốt hơn với sự tự do ý chí, óc phán đoán và tinh thần trách nhiệm cao.

Vì các nghiên cứu theo hiện tượng luận cho thấy sự thật của cuộc sống hiện sinh nơi môi trường học đường, nên chúng cũng sẽ là những dẫn chứng cụ thể đem lại cho những nhà lãnh đạo ngành giáo dục của quốc gia biết được những tiến bộ và những giới hạn của ngành mình, để từ đó có những quyết định và hướng giải quyết thiết thực với mục đích thăng tiến nhân phẩm và giá trị đời sống con người, xứng đáng với sự mong chờ và tin tưởng, cũng như sự quý trọng của nhiều người dành cho ngành nghề cao quý này.

b. Với ban lãnh đạo nhà trường.

Các nghiên cứu chuyên ngành luôn đem lại những ích lợi lớn lao cho các vị lãnh đạo nhà trường, giúp họ hiểu hơn về thực trạng môi trường họ đang công tác với vai trò và vị trí quan trọng nhất, để từ đó có những chỉnh sửa thích hợp trong việc thiết lập các tiêu chí về *tâm nhìn, sứ vụ, và mục tiêu* giáo dục của nhà trường sao cho phù hợp với sự phát triển về toàn diện đời sống con người, hướng đến một đất nước và một xã hội văn minh, công bằng và nhân ái. Công việc này sẽ đạt hiệu quả khi nhà trường có các nghiên cứu sâu trong nội bộ để tìm hiểu về những tâm tư, ước vọng của giáo viên, công nhân viên chức và học sinh, nhận biết những *điểm mạnh* để tiếp tục duy trì, và đồng thời khám phá được những hạn chế đang cản bước sự phát triển của nhà trường. Những việc này sẽ có kết quả đích thực khi trường có các cuộc nghiên cứu ứng dụng hiện tượng luận, vì chỉ phương pháp này mới giúp mô tả được thực trạng của trường cách sâu sa và chính xác nhất. Theo Marilyn Bizar and Rebecca Barr [6], "hiệu trưởng của một trường học có trách nhiệm duy trì được sự cân bằng nhất định trong các công tác quản lý, để bảo quản được nét văn hoá đặc trưng của nhà trường, đồng thời có những sáng kiến lãnh đạo trong việc điều chỉnh hoặc làm mới lại những mục tiêu, chính sách, và các tiến trình hoạt động nhà trường". Hơn nữa, "để tạo ra một thể hệ giáo sư mới, những người vừa hiểu thấu đáo về chuyên ngành của mình vừa biết rõ ngành học ấy có thể được học như thế nào, chúng ta phải thay đổi cách chúng ta đào tạo các học giả trẻ và cách chúng ta hỗ trợ các học giả hiện hành" [7].

c. Với những người thực hiện công tác giảng dạy

Các cuộc nghiên cứu chuyên ngành, đặc biệt khi được thực thi bằng hiện tượng luận, sẽ cho các thầy cô có cơ hội nhìn lại những gì xảy ra trong ngành công tác quý giá của mình cách sâu sắc hơn. Những kinh nghiệm của những người đồng nghiệp hay những người liên quan mật thiết đến ngành giáo dục, sẽ gợi hứng cho quý thầy cô tìm ra những phương cách làm mới hơn và sống động hơn nữa những nội dung và phương pháp giảng dạy.

d. Đối với người thực hiện nghiên cứu

Người thực hiện nghiên cứu sẽ có cơ hội "hiểu về chính mình nhiều hơn trong công tác giáo dục, nghiệm ra được những ý nghĩa sâu xa về sứ mạng giáo dục của mình", để từ đó nỗ lực hơn khi thực hiện các công việc được giao phó. Chính khi thi hành công tác với sự hiểu biết sâu xa và lòng nhiệt thành như thế, người nghiên cứu dễ dàng gặt hái được những thành quả tốt đẹp trong công tác giáo dục mỗi ngày.

e. Với những người đồng tham gia nghiên cứu (co-researchers)

Các cuộc nghiên cứu sẽ là những dịp để những người cùng tham gia nghiên cứu chia sẻ những kinh nghiệm sống của họ, đồng thời nhìn lại bản thân, về những thành công và thất bại, những khó khăn và nỗ lực, những ưu điểm và khuyết điểm của chính mình để có những hướng giải quyết thích hợp và năng động hơn trong những ngày sống tương lai.

f. Với các đơn vị của người nghiên cứu và những người đồng tham gia nghiên cứu

Những mối tương quan sẽ được cải tiến khi mọi người hiểu và cảm thông cho những giới hạn và khiếm khuyết của người khác. Chính khi hiểu được những tâm sự của đồng nghiệp, mọi người trong cùng một đơn vị sẽ hỗ trợ nhau hoàn thành các công tác được trao phó, và cùng đồng lòng xây dựng cũng như đóng góp cho sự phát triển của đơn vị mình.

g. Đối với độc giả

Cho dù giáo dục là lãnh vực quen thuộc với mọi người, thì việc hiểu biết thấu đáo về môi trường giáo dục và các vấn đề thuộc lãnh vực này vẫn mãi là những điều mới lạ và hữu ích cho tất cả mọi người. Các cuộc nghiên cứu sẽ giúp cho tất cả mọi người có thêm kiến thức và cảm nhận được những diễn biến và những giá trị nhân văn của những người đang trong giai đoạn thụ giáo hay đang thi hành chức năng giáo dục. Từ những hiểu biết đó, độc giả có thể ứng dụng cho công việc chuyên ngành của chính họ và được thúc đẩy để tiếp tục quá trình tự học của bản thân trong từng ngày sống. Chính khi từng người biết nỗ lực vươn lên trong từng hoàn cảnh môi trường sống của mình cách lành mạnh, thì đất nước mới thực sự phát triển. Đây chính là ý nghĩa và đóng góp của ngành giáo dục; và từ những lợi ích này, nền giáo dục đã được nhìn nhận là *nền tảng sự phát triển của tất cả các quốc gia* [8].

III- MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CHO VIỆC ỨNG DỤNG HIỆN TƯỢNG LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC.

Cho dù hiện tượng luận là phương pháp khoa học sáng giá và đem lại những lợi ích thiết thực cho ngành giáo dục, nhưng vẫn có những khó khăn nhất định khi sử dụng phương pháp này như đã trình bày ở trên. Làm thế nào khắc phục được những hạn chế đó để các nghiên cứu vẫn có thể được tiến hành *đúng* và đem lại kết quả *thật*, tác giả bài viết xin đề cập một số giải pháp sau:

1. Trình bày tên người đồng nghiên cứu một cách tế nhị.

Đây là cách thức để có thể mời gọi được mọi đối tượng tham gia vào các nghiên cứu sử dụng hiện tượng luận, nhất là khi những người đồng tham gia nghiên cứu là những người có vai trò và địa vị quan trọng trong nhà trường (quý thầy cô trong ban lãnh đạo, quý thầy cô trưởng khoa, quý thầy cô giảng dạy.v.v.). Áp dụng luật tuyệt mật trong nghiên cứu khi nêu tên những người này, không chỉ để mọi người có thể an tâm cùng tham gia nghiên cứu, mà còn để tránh những hậu quả không tốt ảnh hưởng tới các mối tương quan giữa các thành viên trong trường.

2. Chọn đề tài nghiên cứu theo từng khoa.

Việc nghiên cứu theo từng khoa sẽ cho thấy những đặc điểm riêng và các vấn đề cụ thể của từng đơn vị, từ đó sẽ có những hướng giải quyết thiết thực và cụ thể hơn. Cần chú ý đến số lượng và giới tính của cán bộ, công nhân viên trong toàn đơn vị, để mọi người không biết được ai là người tham gia nghiên cứu.

3. Khi nghiên cứu ở qui mô cấp trường, mỗi khoa nên chọn nhiều người đồng tham gia nghiên cứu.

Khi chọn mẫu nghiên cứu như vậy, những nghiên cứu sẽ có tính khách quan và đồng bộ. Thêm vào đó, những thông tin cá nhân sẽ có cơ sở để đảm bảo bí mật.

4. Tổ chức nhiều người cùng nghiên cứu theo một đề tài chung.

Trong những nghiên cứu mang tính qui mô lớn như toàn trường, toàn vùng, nên tổ chức một nhóm người cùng nghiên cứu, nghĩa là sử dụng cùng một đề tài và mô hình nghiên cứu, nhưng mỗi người đảm trách một đơn vị hay một khoa. Sau đó, khi đã hoàn tất phần nghiên cứu của cá nhân, nhóm người này sẽ làm việc chung với nhau bằng cách mỗi người sẽ viết truyện tự thật của mình về kinh nghiệm làm cuộc nghiên cứu vừa qua, và mỗi người dựa vào các câu chuyện của mọi người trong nhóm để đi vào những bước phân tích theo như hiện tượng luận yêu cầu, sau đó họ sẽ cùng nhau chia sẻ và đúc kết những suy tư phân tích để có được những *eidetic insights*- những kết quả chân thực và sâu sắc nhất. Công việc đúc kết tất cả các phân tích của mọi người có thể thực hiện bằng việc lập ra một bản câu hỏi gợi ý cho tất cả mọi người cùng trả lời (có thể sử dụng ba câu hỏi đặc trưng đã trình bày ở trên).

5. Hiện diện và công tác tại môi trường nghiên cứu để hiểu biết và có thể thực hiện được các nghiên cứu theo hiện tượng luận.

Những người ngoài ngành giáo dục có thể thực hiện được các nghiên cứu trong ngành này với việc ứng dụng hiện tượng luận, khi họ có một thời gian nhất định hiện

diện và tham gia vào các công việc nơi môi trường họ muốn nghiên cứu (thời gian tối thiểu thường được cho là một tháng). Khi sống tại môi trường sẽ nghiên cứu một cách tích cực, người nghiên cứu sẽ có được những kinh nghiệm "*cùng loại*" với những người sẽ đồng tham gia nghiên cứu, đáp ứng được đòi hỏi của hiện tượng luận,

LỜI KẾT

"Trong khi các công tác khác (các ngành khác) chỉ liên quan đến một phần con người, thì công việc của nhà giáo dục là tìm ra mọi khía cạnh của toàn bộ nhân cách, xác định cơ sở cho cả tính cách con người sẽ có khả năng hoạt động trong mọi lĩnh vực công tác [9]. Hơn nữa, "khi xã hội bắt đầu hiểu rằng sự phát triển con người là một tài sản lớn lao hơn là tiền của, thì đương nhiên cũng phải thấy rằng việc hồi sinh nền giáo dục phải xét tới thành tố con người trong cơ chế giáo dục" [9, 161]. Vì lẽ đó, nhu cầu "làm mới lại" hoặc "làm sáng lên" những giá trị đích thực của ngành giáo dục bằng con đường nhận ra những hạn chế để khắc phục và tìm ra các phương cách đổi mới là vấn đề cần được đặt ra và giải quyết trong mọi thời điểm, nhất là trong thời đại ngày nay, khi giáo dục đã được nhìn nhận là nền tảng của sự phát triển, và "giáo dục không phải để chuẩn bị cho tương lai, mà là cuộc sống hiện tại" [10], thì việc sử dụng hiện tượng luận trong nghiên cứu giáo dục tất nhiên phải là vấn đề cần được quan tâm và thực hiện thích đáng, bởi vì hiện tượng luận là một cách thể hay thái độ "nhìn ngắm, quan sát, và điều nghiên" thực tại đời sống con người. Cách đặc biệt, cách thể này nhắm tìm đến sự hiểu biết về những ảnh hưởng của con người từ những kinh nghiệm của họ. Nếu được khám phá và ứng dụng, kinh nghiệm của mỗi người rất sâu xa và phong phú.

Do hiện tượng luận có đặc điểm là, khi kết quả cuộc nghiên cứu thành công, thì chính người nghiên cứu sẽ có được những kinh nghiệm nội tâm sâu sắc, giúp họ vượt qua được những trở ngại đời thường và ngày càng hăng say nhiệt thành trong công tác được trao, nên trong giáo dục học, hiện tượng luận sẽ đem lại sự hồi sinh nhiệt huyết giáo dục cho các nhà giáo, đặc biệt là người thực

hiện cuộc nghiên cứu. Với giá trị lớn lao như vậy, ngành giáo dục không thể ơ hờ với việc ứng dụng hiện tượng luận vào trong các nghiên cứu của chuyên ngành mình, để đạt được mục đích "tìm ra tính chính xác và chân giá trị" của thực trạng môi trường học đường. Và lại, "Giáo viên luôn là thành tố quan trọng nhất trong môi trường giáo dục của học viên" [11] và họ là những người "phải mang trách nhiệm nặng nề là đào tạo những công dân tương lai, và chuyển giao văn hoá hôm nay cho những người ngày mai sẽ là lãnh đạo. Đồng thời, nhiệm vụ của người thầy không chỉ là ngăn ngừa và bảo vệ, mà còn là khích lệ và nâng cao, nhìn về phía trước và phát huy những giá trị tiềm ẩn của học sinh. Đó là một viễn tượng khủng khiếp đối với những ai không tự nguyện chọn nghề giáo. Nhà giáo không thể là bất kỳ ai, họ phải là những người gương mẫu của những phẩm chất cao đẹp nhất mà xã hội có thể sản sinh, là một hình ảnh lý tưởng cho mọi người"[9,158]. Chính vì thế, để các trường học có thể nâng cao nghiệp vụ sư phạm, chắc chắn sẽ cần đến những cuộc khảo cứu về công tác và đời sống giáo viên, giúp họ tìm lại nhiệt huyết ban đầu của những ngày còn ngồi thụ huấn trong giảng đường của các trường đại học sư phạm, và trong giai đoạn đầu bước chân vào hàng ngũ những người được mệnh danh là "kỹ sư tâm hồn". Chính những cuộc thăm dò những kinh nghiệm sống của họ theo hiện tượng luận, sẽ đem lại những câu trả lời xác thực nhất về những thao thức và ước vọng của các thầy cô đối với nhu cầu nâng cao khả năng sư phạm để hoàn thành sứ mệnh giáo dục mỗi ngày. Thêm vào đó, trong bối cảnh văn hoá – xã hội nước nhà hiện nay, khi vì nhiều lý do khác nhau, những giá trị đạo đức, tình cảm dành cho các nhà giáo dục đang bị lu mờ và vắn đục do ảnh hưởng bởi những sự kiện và hành vi của nhiều người, trong đó có đối tượng là học sinh và cả các nhà giáo, thì việc tìm lại *thượng nguồn trong sáng của chức nghiệp giáo dục* là điều tất yếu phải được quan tâm của tất cả mọi người, để giúp cho môi trường học đường thực sự trong sáng và an toàn, ngày một phát triển, xứng đáng với sự tín nhiệm và mong đợi của mọi người đối với chuyên ngành này.

SÁCH THAM KHẢO

- [1] Trần Thái Đình. *Triết Học Hiện Sinh*. Tr.185, NXB Văn Học, Hà Nội, 2008.
- [2] Ramirez, Mina and Dejillas, Leopoldo J. *Promoting SOPHIA among Our Educators*, tr. 22. Manila: Asian Social Institute, 2006
- [3] Ramirez, Mina. *Charity and Justice in the Relations among Nations: the Role of Civil Society Focused on the Church*. Commentary. 2007
- [4] Forrest E. Baird. *Tuyển Tập Danh Tác Triết Học Từ Plato Đến Derrida*. Tr. 571. NXB Văn Hóa Thông Tin. Thành Phố Hồ Chí Minh, 2006. Dịch giả: Đỗ Văn Thuần.
- [5] Vega, Violeta A.; Prieto, Nelia G.; Carreon, Myrna L., *Social Dimensions of Education*. tr.13. Lorimar Publishing Inc, Manila, 2006.
- [6] Marilyn Bizar, Rebecca Barr, *School Leadership in Times of Urban Reform*. Lawrence Erlbaum Associates, London, 2001. p.2
- [7] Ken Bain. *Phẩm Chất Của Những Nhà Giáo Ưu Tú*. Tr. 358. NXB Văn Hóa Sài Gòn. In lần Thứ Hai. TP. HCM. 2009. Dịch giả: Nguyễn Văn Nhật.
- [8] Brent Davies, Linda Ellison and Christopher Bowring-Carr, *School Leadership in the 21st Century: Developing a Strategic Approach*. RoutledgeFalmer, London and New York, 2005, tr.199
- [9] Tsunesaburo Makiguchi, *Giáo Dục Vì Cuộc Sống Sáng Tạo (Education for Creative Living)*, tr. 160. NXB Trẻ, Tp. HCM. 2009. Dịch giả: Khoa Anh Văn - ĐHKHXH&NV, Tp. HCM.
- [10] Bharathi, Vijaya D., *Educational Philosophy of John Dewey*, tr. 29. Discovery Publishing House, New Delhi, 2005.

<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/TRIETHOC/ThongDienHoc/HermeneuticsChapter3.htm>